TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 -5-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Kim Luyến;

Ông Trần Như Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Bích T, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 17 tháng 01 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Ông N và bà Nguyễn Bích T có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới gã theo phong tục địa phương. Hôn nhân có lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (giấy chứng nhận kết hôn bản chính do bà T quản lý).

Lý do xin ly hôn: Khi thành hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014. thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên bất hòa nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, đời sống chung không đạt được hạnh phúc. Vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông Nguyễn Văn N yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Bích T.

- Về nuôi con chung: Ông N xác định vợ, chồng có 01 người con gái tên Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 23/7/2007, hiện nay đang sống chung với gia đình. Khi ly hôn, gia đình tự thỏa thuận về việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ghi ngày 15 tháng 4 năm 2019, ông N cho rằng khoảng năm 2014 – 2015, bà T đã từng gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Năm Căn để yêu cầu ly hôn với ông N, sau đó bà T rút lại đơn yêu cầu nhưng từ đó đến nay mâu thuẫn hôn nhân vẫn không hòa giải được.

Ngoài ra, khi ly hôn ông N tự nguyện hỗ trợ cho bà Nguyễn Bích T số tiền 100.000.000 đồng để bà T ổn định cuộc sống sau này.

** Tại văn bản "Tờ quảng lại tình trạng hôn nhân của Nguyễn Bích T và Nguyễn Văn N" ngày 13 tháng 02 năm 2019, bị đơn bà Nguyễn Bích T trình bày:*

Trong thời gian chung sống, bà T và ông N có một bé gái 13 tuổi tên Nguyễn Nguyệt A. Sáu năm về trước, bà T bị tai nạn giao thông đường bộ trên đoạn đường từ xã (T) về nhà, lúc đó có chở theo cháu Nguyễn Nguyệt A. Vụ tai nạn làm bà T bị đập đầu xuống lộ, chấn thương sọ não không biết gì hết, bây giờ mới nhớ nhưng còn quên trước, quên sau, bị mờ mắt bên trái nên đi một mình rất khó khăn. Bây giờ ông N không muốn sống với vợ (bà T) nhưng bà T không muốn ly hôn chồng, ông N nói chỉ ly hôn tạm thời và vẫn sống chung nên bà T đã từng làm đơn yêu cầu ly hôn với ông N nhưng sau đó rút lại yêu cầu. Ông N hiện nay có người khác bên ngoài và yêu cầu ly hôn với bà T, bà T yêu cầu ông N phải trợ giúp cho bà một số tiền để trị bệnh, khi hết bệnh thì bà sẽ tự đi làm và không cần ông N trợ giúp nữa thì bà T mới đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa:

Ông N, bà T vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Tại đơn xin ly hôn ngày 17 tháng 01 năm 2019, ông N yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Bích T là tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Nguyễn Bích T được triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử nhưng bà T vắng mặt 02 lần không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Bích T.

Đối với ông Nguyễn Văn N có yêu cầu vắng phiên xét xử lúc 07 giờ 30 ngày ngày 16/5/2019 vì bận công việc đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa được, yêu cầu này của ông N là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. **Về nội dung vụ án**

- Về hôn nhân: Ông N và bà Nguyễn Bích T có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới gã theo phong tục địa phương. Đến năm 2007 mới lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/2007 ngày 21/8/2007. Vì vậy quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Bích T được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa ông N và bà T xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục, cả hai đương sự đều xác định bà T đã từng gửi đơn yêu cầu ly hôn với ông N tại Tòa án huyện Năm Căn nhưng sau đó rút lại yêu cầu. Nay ông N yêu cầu ly hôn với bà T, bà T đồng ý ly hôn với điều kiện ông N phải trợ giúp cho bà một số tiền để trị bệnh, khi hết bệnh thì bà sẽ tự đi làm và không cần ông N trợ giúp nữa (*tại văn bản "Tờ quảng lại tình trạng hôn nhân của bà T đề ngày 13 tháng 02 năm 2019*). Hội đồng xét xử xét thấy từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, bà T không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với ông N, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải nhưng bà T không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải hàn gắn hôn nhân, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà T đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn N đối với bà Nguyễn Bích T theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Ông N và bà T xác định có 01 người con gái Nguyễn Nguyệt A, sinh ngày 23/7/2007.

Khi ly hôn, cả hai đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu về nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét là có cơ sở.

- Ngoài ra, bà Nguyễn Bích T yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải trợ giúp cho bà một số tiền để trị bệnh, khi hết bệnh thì bà sẽ tự đi làm và không cần ông N trợ giúp nữa, ông N đồng ý hỗ trợ theo yêu cầu của bà Bích T với số tiền 100.000.000 đồng, việc ông N thống nhất với yêu cầu của bà T được Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp với Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Bà T được nhận số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) từ ông N giao.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông N chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông N còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm giao tiền tại thời điểm thi hành án.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% (về nghĩa vụ hỗ trợ) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 207, 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, 59 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, c khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn N ly hôn với bà Nguyễn Bích T.

[2]. Về nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung và công nợ: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Bích T số tiền hỗ trợ là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, bà Nguyễn Bích T được nhận 100.000.000 đồng từ ông N giao.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông N chậm giao số tiền nêu trên thì hàng tháng ông N còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm giao tiền tại thời điểm thi hành án.

[4]. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch bà ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%, ông N phải chịu 5.000.000 đồng.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019 ông N đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016290 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, được đối trừ. Sau khi đối trừ ông N có nghĩa vụ nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan tiến hành việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền